

**Đầu nối khí dạng T**  
**TCK-1/4-PK-6**  
Số bộ phận: 4488

**FESTO**



**Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                                     |
|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| Chiều rộng định mức                             | 4.9 mm                                                                      |
| Loại đệm kín trên ngông vặn vít                 | Vòng đệm                                                                    |
| Vị trí lắp đặt                                  | bất kỳ                                                                      |
| Thiết kế                                        | Dạng T                                                                      |
| Kích cỡ gói                                     | 10                                                                          |
| Áp suất vận hành của khoảng nhiệt độ hoàn chỉnh | -0.095 MPA...1 MPA<br>-0.95 bar...10 bar<br>-13.775 psi...145 psi           |
| Môi chất vận hành                               | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:-:-]                                        |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển           | Có thể hoạt động bằng dầu                                                   |
| Lớp chống ăn mòn KBK                            | 1 - ứng suất ăn mòn thấp                                                    |
| Tuân thủ LABS                                   | VDMA24364-B1/B2-L                                                           |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                  | -10 °C...60 °C                                                              |
| Mô-men xoắn thắt chặt danh nghĩa                | 11 N m                                                                      |
| Khả năng chịu được mômen siết danh nghĩa        | ± 10 %                                                                      |
| Cổng nối khí nén 1                              | Ren ngoài G1/4                                                              |
| Cổng nối khí nén 2                              | đối với ống mềm bên ngoài Ø 8 mm<br>cho núm cắm bên Ø trong 6 mm với đai ốc |
| Vật liệu đai ốc ren                             | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa                                                  |
| Ghi chú vật liệu                                | Tuân thủ RoHS                                                               |
| Vật liệu vòng đệm kín                           | PA gia cố<br>TPE-U (PU)                                                     |
| Vật liệu vỏ                                     | Kém đúc áp lực                                                              |
| Vật liệu vít rỗng                               | Hợp kim nhôm rèn, anốt hóa                                                  |
| Vật liệu cổng nối xoay                          | Kém đúc áp lực                                                              |